

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VĂN HÓA ĐỌC CỦA SINH VIÊN KHI THAM GIA PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÔNG CỘNG-NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS Nguyễn Thị Kim Dung, Hoàng Xuân Quý

Khoa Thông tin- Thư viện, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

Tóm tắt: Trong thời đại công nghệ số, văn hóa nghe nhìn đang lấn át và dần chiếm lĩnh vị trí trung tâm trong đời sống. Sự tiện lợi và lôi cuốn của hình ảnh, âm thanh đã thu hút người dùng, đặc biệt là giới trẻ, khiến cho việc tiếp cận thông tin và giải trí thông qua các phương tiện nghe nhìn trở nên phổ biến hơn. Cùng với sự phát triển về khoa học công nghệ, điều kiện kinh tế đã góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông công cộng ở Việt Nam. Các phương tiện giao thông công cộng đang dần trở thành phương tiện di chuyển chủ yếu của sinh viên. Điều này đã tạo ra một môi trường hỗ trợ cho việc đọc, nó không chỉ giúp nâng cao kiến thức mà còn tạo cơ hội cho sinh viên được thư giãn sau những giờ học tập, nghiên cứu. Bài viết phân tích thực trạng văn hóa đọc của sinh viên trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN sẽ giúp nhận diện các yếu tố tác động tới văn hóa đọc của sinh viên khi tham gia phương tiện giao thông công cộng. Từ đây nhóm tác giả đề xuất các khuyến nghị phù hợp nhằm phát triển văn hóa đọc cho sinh viên Nhà trường, góp phần vào việc thúc đẩy phát triển văn hóa đọc ở Việt Nam.

Từ khóa: Văn hoá đọc của sinh viên; yếu tố tác động; phương tiện giao thông công cộng; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; Đại học Quốc gia Hà Nội.

FACTORS AFFECTING THE READING CULTURE OF STUDENTS USING PUBLIC TRANSPORTATION – A CASE STUDY OF STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES, VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

Abstract: In the digital age, visual and auditory culture is taking over and gradually becoming the center of life. The convenience and appeal of images and sounds have attracted users, especially young people, making accessing information and entertainment through visual and auditory means more popular. Along with the development of science and technology, economic conditions have contributed to the improvement of public transportation (PT) infrastructure in Vietnam. PT is gradually becoming the main means of transportation for students. This has created an environment that supports reading, not only helping to improve knowledge but also creating opportunities for students to relax after hours of study and research. This paper analyzes the current state of reading culture among students at the University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi to identify the factors that affect students' reading culture when using public transportation. Based on this, the authors propose appropriate recommendations to develop reading culture for students at the University, contributing to the promotion of reading culture in Vietnam.

Keywords: Reading Culture of Students; factors Affecting Reading Culture; public Transportation; University of Social Sciences and Humanities; Vietnam National University, Hanoi.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, thế giới đang chứng kiến sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, các sản phẩm trí tuệ nhân tạo như robot tự động, chat GPT, Claude, Midjourney và nhiều công cụ, ứng dụng khác ra đời, chuyển đổi số đang dần là xu thế tất yếu của các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc của con người. Để làm được những điều trên, đòi hỏi chúng ta phải không ngừng lĩnh hội thông tin, phát triển tri thức thông qua việc đọc và nghiên cứu tài liệu. Chính vì vậy, văn hóa đọc (VHD) ngày càng trở nên quan trọng đối với con người trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Trong thời đại bùng nổ thông tin, văn hóa nghe nhìn đang lấn át và dần chiếm lĩnh vị trí trung tâm trong đời sống. Sự tiện lợi và lôi cuốn của

hình ảnh, âm thanh đã thu hút người dùng, đặc biệt là giới trẻ, khiến cho việc tiếp cận thông tin và giải trí thông qua các phương tiện nghe nhìn trở nên phổ biến hơn. Tuy nhiên, tài liệu vẫn là phương tiện thông tin có tính ổn định và mang lại hiệu quả cao cho con người, nó chỉ khác nhau ở hình thức đọc, là đọc tài liệu truyền thống hay tài liệu điện tử, tài liệu số. Nếu các tài liệu in tạo ra những cảm xúc và sự gắn kết, thúc đẩy hoạt động đọc sâu và tư duy sâu sắc, thì các tài liệu số lại đưa đến sự tiện lợi và khả năng truy cập nhanh. Đọc tài liệu số mang lại cho người đọc tính tương tác cao và cập nhật thông tin nhanh chóng. Mặc dù có nhiều sự khác biệt về mặt truyền tải, tuy nhiên cả hai loại hình tài liệu này đều có chung mục đích là đóng góp cho sự phát triển VHD hiện nay. Điều này góp phần tạo điều

kiện để VHD được duy trì và phát triển trong xã hội ngày nay.

Nhận thức được tầm quan trọng của VHD đối với sự phát triển xã hội, Chính phủ đã có những chính sách, chủ trương, hành lang pháp lý tác động trực tiếp đến sự phát triển VHD trong cộng đồng. Một số văn bản có thể kể đến, như: Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/3/2017 phê duyệt “Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”, Quyết định 1862/QĐ-TTg về việc tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam ngày 4/11/2021, Quyết định số 206/QĐ-TTg “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” ngày 11/2/2021, Quyết định số 2608/QĐ-BVHTTDL ngày 07/09/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành quy chế giải thưởng phát triển VHD,... Các chính sách, đề án, chủ trương nhằm tạo ra hành lang pháp lý giúp phát triển VHD và nâng cao việc đọc cho người dân.

Cùng với sự phát triển về khoa học và công nghệ, điều kiện kinh tế đã góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông công cộng hiện nay. Các phương tiện giao thông công cộng (PTGTCC) ngày càng đa dạng, tiện nghi và hiện đại. Tại Việt Nam, các PTGTCC đang trong quá trình hoàn thiện và dần trở thành phương tiện di chuyển chủ yếu của nhiều người, với sự tiện lợi mà PTGTCC mang lại như hiện nay, những người tham gia xe buýt, tàu điện có thể dành thời gian cho việc đọc sách, báo, nghe sách nói,... mà họ yêu thích tùy vào lộ trình di chuyển của mình trên PTGTCC mỗi ngày. Điều này đã tạo ra một môi trường hỗ trợ cho việc đọc, nó không chỉ giúp nâng cao kiến thức mà còn tạo cơ hội cho việc thư giãn sau những giờ học tập, làm việc bận rộn.

Sinh viên (SV) các trường đại học nói chung và SV Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội nói riêng là một trong nhóm đối tượng thường xuyên sử dụng PTGTCC để di chuyển. Đây cũng là nơi để SV có thể tiến hành việc đọc tài liệu. Nghiên cứu thực trạng VHD của SV Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội sẽ giúp nhận diện các yếu tố tác động tới VHD của họ khi tham gia PTGTCC, để từ đó có cơ sở đưa ra nhận xét, đánh giá, đề xuất các khuyến nghị phù hợp nhằm phát triển VHD cho SV của Trường, góp phần vào việc thúc đẩy phát triển VHD ở Việt Nam.

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VĂN HOÁ ĐỌC CỦA SINH VIÊN

1.1. Khái niệm phương tiện giao thông công cộng

Ngày 24/9/2012 Bộ Giao thông vận tải Việt Nam ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kết cấu hạ tầng giao thông, công cụ hỗ trợ và các chính sách ưu tiên người khuyết tật tham gia giao thông công cộng. Theo đó, tại Điều 1 khoản 2 của Thông tư số 39/2012/TT-BGTVT giải thích từ ngữ: “phương tiện giao thông công cộng gồm: xe buýt, ô tô chở khách tuyến cố định, tàu bay chở khách, tàu hỏa chở khách (gồm cả phương tiện đường sắt đô thị), tàu thủy chở khách, phà chở khách”. Như vậy chúng ta có thể hiểu, PTGTCC chính là hệ thống giao thông dành cho công chúng, phục vụ cho mục đích di chuyển, đi lại của người dân, trong đó người tham gia không sử dụng phương tiện thuộc sở hữu cá nhân [2].

1.2. Văn hóa đọc

Theo Nyam (2015), VHD là việc thực hành đọc như một hoạt động thường xuyên và từ đó phát triển thái độ cũng như việc sở hữu các kỹ năng khiến việc đọc trở thành một hoạt động thú vị, thường xuyên và liên tục [1].

Ailahu và Unegbu (2017) thì cho rằng, VHD liên quan đến thói quen đọc sách trong cuộc sống chứ không chỉ đơn thuần vì mục đích học tập. Tuy nhiên, họ nhấn mạnh rằng, theo thời gian, việc đọc không còn là một nhiệm vụ khó khăn để vượt qua kỳ thi mà thay vào đó việc đọc mang một giá trị nội tại, đọc vì mục đích đọc, cho đến khi xu hướng đọc sâu hơn phát triển. Họ kết luận rằng, bản chất của VHD là khuyến khích học sinh đọc như một phần của cuộc sống hàng ngày và biến việc đọc sách thành một thói quen cần thiết và thú vị trong suốt cuộc đời [1].

Tác giả Trần Thị Minh Nguyệt trong bài viết “Giáo dục văn hóa đọc trong thư viện trường tiểu học ở Hà Nội” cho rằng: “Văn hóa đọc là tổng thể các năng lực của chủ thể hướng tới việc tiếp nhận và sử dụng thông tin trong tài liệu, thể hiện ở khả năng định hướng tới tài liệu, khả năng lĩnh hội tài liệu một cách sáng tạo, cũng như thái độ ứng xử với tài liệu của mỗi người” [5].

Như vậy, VHD là tổng thể các năng lực của chủ thể sử dụng để biến các thông tin đọc được thành tri thức của chính mình. Năng lực của mỗi cá nhân là khác nhau, vì thế mức độ tiếp thu có

sáng tạo và vận dụng vào thực tiễn cũng sẽ có sự khác nhau. Sự khác biệt về VHĐ của mỗi cá nhân tùy thuộc vào trình độ, tâm lý, môi trường sống và sự phát triển văn hóa của mỗi người.

Trong bài viết này, nhóm tác giả sử dụng quan điểm của tác giả Trần Thị Minh Nguyệt để nghiên cứu VHĐ của SV Trường Đại học KHXX&NV Hà Nội.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa đọc của sinh viên khi tham gia phương tiện giao thông công cộng

Để có cơ sở lý luận cho bài viết, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp thu thập, phân tích và tổng hợp tài liệu. Dựa vào lý thuyết ở các bài viết [3, 4, 6] mà nhóm tác giả tham khảo được, kết hợp với quan điểm của nhóm rút ra từ hai buổi quan sát tự do được thực hiện vào ngày 10/4/2024 và ngày 15/4/2024 tại tuyến xe bus từ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội đến điểm bus số 15 Quang Trung, Hà Đông. Biện pháp quan sát được lặp lại trong suốt cả chiều đi và chiều về của tuyến khảo sát. Với địa điểm khảo sát này, quan sát sẽ đưa ra góc nhìn toàn diện khi đi qua các điểm bus có nhiều SV của Trường sinh sống. Từ đó, nghiên cứu nhận diện được tám yếu tố ảnh hưởng tới VHĐ của SV trên PTGTCC như sau:

- *Lịch trình di chuyển*: Lịch trình di chuyển của PTGTCC có ảnh hưởng đáng kể đến văn hóa đọc của SV. Khi các chuyến đi được lên lịch một cách rõ ràng và đáng tin cậy, SV có thể dành thời gian trên các phương tiện này để đọc sách, báo, hoặc tài liệu điện tử. Điều này không chỉ giúp họ tận dụng hiệu quả thời gian khi tham gia PTGTCC mà còn tạo cơ hội để họ phát triển thói quen đọc. Ngược lại, nếu lịch trình không chính xác hoặc thường xuyên bị trễ, điều này có thể gây ra sự bất tiện và làm giảm khả năng tập trung vào việc đọc. Do đó, việc duy trì một lịch trình ổn định và chính xác là yếu tố quan trọng trong việc khuyến khích và duy trì VHĐ trong cộng đồng người sử dụng giao thông công cộng.

- *Tiếng ồn*: Các PTGTCC như xe buýt hay tàu điện trên cao khi di chuyển đều phát ra tiếng ồn của động cơ, tiếng ồn của hành khách khi lên, xuống bến. Điều này cũng có thể làm giảm khả năng tập trung vào việc đọc của SV. Mặc dù họ có sử dụng tai nghe, sách, báo điện tử,... nhưng ít nhiều cũng làm họ phân tâm. Việc duy trì một không gian yên tĩnh sẽ là khó đối với người tham gia PTGTCC nhưng vẫn là cần thiết để khuyến khích duy trì việc đọc.

- *Thời gian di chuyển*: Khi các chuyến đi kéo dài đủ lâu để đọc một chương sách hoặc bài báo, SV có thể tận dụng thời gian này để mở rộng kiến thức và thư giãn tinh thần. Tuy nhiên, thời gian di chuyển quá ngắn có thể không đủ để đọc một cách thoải mái. Do đó, việc cân nhắc thời gian di chuyển là quan trọng trong việc hỗ trợ và phát triển VHĐ trong cộng đồng người sử dụng giao thông công cộng.

- *Tương tác xã hội*: Các tương tác xã hội trên PTGTCC có thể ảnh hưởng đến VHĐ của SV. Khi mọi người giao tiếp và tương tác với nhau, không gian yên tĩnh cần thiết cho việc đọc có thể bị gián đoạn. Mặt khác, quan sát hoặc tham gia vào các cuộc trò chuyện có thể là cơ hội để học hỏi và mở rộng hiểu biết về thế giới xung quanh. Tuy nhiên, việc duy trì một môi trường tương đối yên tĩnh và không gian cá nhân trên các PTGTCC có thể khuyến khích việc đọc và tạo điều kiện cho việc học tập và phản chiếu cá nhân. Điều này cho thấy sự cân nhắc giữa việc tương tác xã hội và việc duy trì VHĐ là cần thiết để tạo ra một trải nghiệm di chuyển tích cực cho tất cả hành khách.

- *Thiết bị công nghệ*: Các thiết bị công nghệ liên quan xung quanh có thể khiến SV bị sao nhãng việc đọc. Các thiết bị có trên tàu xe như màn hình tivi, máy phát nhạc,... khiến người đọc không tập trung. Tuy nhiên, các thiết bị công nghệ thông minh cũng có thể là giải pháp để SV tiếp cận với VHĐ. Qua các thiết bị công nghệ, SV có thể truy cập được tài liệu số để đọc tài liệu mình cần. Việc sử dụng thiết bị công nghệ giúp cho việc đọc trở nên tiện lợi hơn ngay cả khi đang di chuyển trên PTGTCC. Vì vậy, cần phải có kế hoạch hợp lý để sử dụng thiết bị công nghệ khi di chuyển trên các phương tiện này, giúp việc đọc đạt hiệu quả cao.

- *Phương tiện truyền thông xã hội*: Việc ra đời ngày càng nhiều các phương tiện truyền thông xã hội đã giúp cho SV có thêm sự lựa chọn giải trí khi sử dụng PTGTCC. Các phương tiện giải trí mới trên các nền tảng Facebook, Youtube, Tiktok,... đang dần trở nên gắn gũi với mọi người, các phương tiện này tác động đến VHĐ theo nhiều cách khác nhau. Phương tiện truyền thông xã hội có thể giúp SV hiểu rõ hơn về lịch trình và cập nhật thông tin liên quan đến giao thông để có thể lên kế hoạch cho hoạt động đọc khi tham gia PTGTCC. Mặt khác, sự phát triển của phương tiện truyền thông khiến SV bị

thu hút vào các phương tiện này. Văn hóa nghe nhìn tích hợp trong phương tiện truyền thông xã hội như shortform, video dài,... tạo cho SV cảm giác muốn xem và nghe. Điều này sẽ làm giảm thời gian đọc, ít nhiều gây ảnh hưởng đến sự phát triển của VHĐ.

- *Thói quen đọc sách:* Thói quen đọc tác động trực tiếp đến VHĐ của SV khi tham gia PTGTCC. Với những người có thói quen đọc thì họ có thể đọc sách trong bất kỳ môi trường nào và luôn dành sự ưu tiên cho việc đọc. Nếu SV có một sự lựa chọn PTGTCC để dành thời gian đọc sách, họ không chỉ phát triển kiến thức cá nhân mà còn thể hiện sự coi trọng việc học tập và tự cải thiện, mở rộng tri thức cho mình. Điều này tạo ra một môi trường lý tưởng cho việc đọc, nơi mọi người có thể chia sẻ và khám phá niềm đam mê đọc sách cùng nhau.

- *Vấn đề sức khỏe:* Sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần có tác động đến quá trình đọc

sách của SV khi tham gia PTGTCC. Say tàu xe, mệt mỏi, ốm, tâm trạng không vui,... có thể khiến người đọc không có được sự thoải mái khi tiến hành hoạt động đọc. Yếu tố này thuộc về yếu tố cá nhân và phụ thuộc vào sức khỏe, tâm trạng của bản thân mỗi hành khách.

2. THỰC TRẠNG VĂN HOÁ ĐỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN HÀ NỘI KHI THAM GIA PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÔNG CỘNG

Dựa vào quan niệm về VHĐ của tác giả Trần Thị Minh Nguyệt [6], cùng các yếu tố tác động tới VHĐ được trình bày ở trên, Nhóm nghiên cứu đã xây dựng bảng khảo sát trên Google Form để điều tra về thực trạng VHĐ cùng các yếu tố tác động tới VHĐ của SV khi tham gia PTGTCC. Bảng khảo sát gồm 15 câu hỏi, được tiến hành khảo sát ngẫu nhiên tới 150 SV của Trường từ ngày 25/3/2024 - 01/4/2024.

2.1. Đặc điểm sinh viên

Qua bảng 1, có thể thấy Trường Đại học

Bảng 1. Phân tích đặc điểm giới tính, năm học của sinh viên Trường Đại học KHXH& NV

Biến Số		Số lượng	Tỷ lệ
Giới tính	Nam	40	26.7
	Nữ	110	73.3
Năm học	Năm thứ nhất	14	9.3
	Năm thứ hai	39	26.0
	Năm thứ ba	81	54.0
	Năm thứ tư	16	10.7

KHXH&NV Hà Nội với đặc thù là trường đào tạo về lĩnh vực KHXH&NV, nên kết quả khảo sát đã có sự phân hóa lớn về giới tính giữa nam và nữ, điều này là hoàn toàn dễ hiểu. Số SV nam tham gia khảo sát là 40 (chiếm 26,7%), SV nữ là 73,3 % (110 người). Tỷ lệ SV các năm tham gia trả lời khảo sát cũng có sự chênh lệch, SV năm thứ 3 đang chiếm tỷ lệ cao nhất với 54%, đây là nhóm SV có nhu cầu đọc khá lớn để hoàn thành yêu cầu của học tập, nghiên cứu, chuẩn bị cho kế hoạch

thực tập, tốt nghiệp ở năm thứ 4.

2.2. Mức độ sử dụng phương tiện giao thông công cộng

Khảo sát về mức độ sử dụng PTGTCC của SV, chúng tôi thu được kết quả: 36% (54 SV) thường xuyên và rất thường xuyên sử dụng PTGTCC để di chuyển, 20% sử dụng ở mức bình thường, 44% còn lại (66 SV) là rất ít sử dụng. Kết quả này cho thấy, SV Trường Đại

học KHXH&NV Hà Nội có nhu cầu sử dụng PTGTCC.

2.3. Mức độ sử dụng tài liệu trên phương tiện giao thông công cộng

Khảo sát về mức độ này, nhóm tác giả nhận được kết quả: 10,6% SV cho biết họ thường xuyên và rất thường xuyên đọc tài liệu khi tham gia PTGTCC. 8,6% SV trả lời chưa bao giờ và hiếm khi đọc tài liệu là 39,7%. Đây là những kết quả khá cao, nó chiếm xấp xỉ 50% trong số SV khảo sát. 41,1% số SV còn lại trả lời thỉnh thoảng đọc tài liệu trên PTGTCC. Kết quả này cho thấy, về cơ bản SV Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội đã hình thành việc đọc tài liệu trên PTGTCC, tuy nhiên để phát triển

VHĐ trên các phương tiện này cần thúc đẩy nhiều hơn các hình thức truyền thông về VHĐ tới SV Trường.

2.4. Phân tích độ tin cậy của thang đo thực trạng văn hoá đọc

Đánh giá độ tin cậy của các thang đo qua hệ số Cronbach's Alpha có thể thấy được, các thành tố của VHĐ đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0.7. Nhân tố định hướng nội dung đọc có hệ số Cronbach's Alpha lớn nhất với 0.812; nhân tố thái độ ứng xử tài liệu với hệ số là 0.807 và nhân tố năng lực lĩnh hội tài liệu có hệ số Cronbach's Alpha nhỏ nhất là 0.741. Các nhân tố đều chấp nhận được và đáp ứng độ tin cậy về Cronbach's Alpha.

Bảng 2. Độ tin cậy của thang đo và phân tích nhân tố khám phá EFA

Thang đo	Hệ số Cronbach Alpha	Hệ số tương quan biến tổng bé nhất	(KMO)	Giá trị p	Hệ số tải nhân tố bé nhất	Tải số tích lũy (%)
Văn hóa đọc	.853	.706	.732	0.000	.868	78.052
Năng lực định hướng nội dung đọc	.812	.466	.763	0.000	.651	64.553
Năng lực lĩnh hội tài liệu	.741	.495	.730	0.000	.717	56.548
Thái độ ứng xử với tài liệu	.807	.583	.758	0.000	.764	64.082

Về hệ số tương quan biến tổng của tất cả các biến đều có hệ số tương quan lớn hơn 0.3. Các biến đều thỏa mãn điều kiện phân tích đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha được đưa vào phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Chỉ số KMO lớn hơn 0.6 cho thang đo và tất cả các nhân tố trong thang đo. Điều này cho thấy thang đo có tính hợp lệ và khả năng phân loại tốt. Giá trị $p=0.000$ thể hiện có sự phân biệt thống kê giữa các nhân tố. Các hệ số factor loading bé nhất từ .651 đến .764 cùng tỷ lệ tích lũy loadings từ 56.548% đến 64.553% cho thấy mức độ đóng góp và giải thích khá tốt của các

mục đối với nhân tố tương ứng.

Như vậy có thể kết luận được rằng, các thành tố của VHĐ hoàn toàn đáp ứng về mức độ tin cậy và có thể mô tả đúng thực trạng văn hóa đọc của SV trường Đại học KHXH&NV Hà Nội.

2.5. Đánh giá thực trạng văn hoá đọc của sinh viên khi tham gia phương tiện giao thông công cộng

Sử dụng thang đo Likert 5 mức để đánh giá thực trạng VHĐ của SV Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội khi tham gia PTGTCC, kết quả cho thấy năng lực định hướng nội dung đọc có điểm trung bình (ĐTB) là 3.15 và độ lệch

chuẩn (ĐLC) là 0.827. Theo đó, SV đã bắt đầu có năng lực định hướng nội dung đọc khi tham gia PTGTCC. Giữa các SV không có sự chênh lệch về năng lực định hướng nội dung đọc. Xét về năng lực lĩnh hội tài liệu có ĐTB chỉ đạt 3.13 và ĐLC ở mức 0.666. SV chỉ mới bắt đầu hình thành năng lực lĩnh hội tài liệu. Về thái độ ứng xử với tài liệu có giá trị trung bình đạt 3.37 và ĐLC ở mức thấp 0.822. Nhìn chung, cả ba nhân tố của VHĐ đều đạt ở mức độ mới hình thành khi

giá trị trung bình tổng là 3.22 và độ lệch chuẩn là 0.682.

Có thể kết luận rằng, SV Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội có thực hiện quá trình đọc khi tham gia các PTGTCC.

3. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VĂN HOÁ ĐỌC CỦA SINH VIÊN KHI THAM GIA PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÔNG CỘNG

3.1. Tương quan hồi quy giữa các yếu tố và khả năng định hướng nội dung đọc của sinh viên khi tham gia phương tiện công cộng

Bảng 3. Bảng tương quan các yếu tố tác động đến năng lực định hướng nội dung đọc

Các biến số	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Lịch trình dừng đi	1								
2. Tiếng ồn	.636**	1							
3. Thời gian di chuyển	.558**	.622**	1						
4. Tương tác xã hội	.571**	.489**	.606**	1					
5. Thói quen đọc sách	.408**	.461**	.392**	.459**	1				
6. Vấn đề sức khỏe (say tàu, xe,...)	.304**	.248**	.373**	.358**	.437**	1			
7. Sử dụng thiết bị công nghệ để đọc tài liệu.	.329**	.344**	.403**	.307**	.455**	.477**	1		
8. Các phương tiện xã hội (Tiktok, youtube,...)	.346**	.459**	.320**	.398**	.471**	.373**	.617**	1	
9. Năng lực định hướng nội dung đọc	.264**	.344**	.293**	.322**	.263**	.103**	.141**	.225**	1

Ghi chú: ** có mức tương quan ở ý nghĩa 0.01.

Nhìn vào bảng tương quan trên ta thấy, các biến số phụ thuộc có hệ số tương quan Pearson với biến độc lập năng lực định hướng nội dung đọc. Mỗi tương quan giữa các biến số có độ tin cậy lên đến 99% nên không cần loại bỏ biến số phụ thuộc tác động.

Các yếu tố như: lịch trình dừng đi, tiếng ồn, thời gian di chuyển, tương tác xã hội, thói quen đọc sách, vấn đề sức khỏe, thiết bị công nghệ, các phương tiện truyền thông xã hội có ảnh hưởng đến năng lực định hướng nội dung đọc.

Giá trị R bình phương hiệu chỉnh là 0.114 cho thấy các biến phụ thuộc được giải thích bởi mô

hình, mô hình giải thích khoảng 11.4% sự biến thiên. Giá trị P-value là 0.001, cho thấy mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê.

Phân tích hồi quy (Bảng 4), giá trị P-value của các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực định hướng đọc của SV nhận giá trị từ 0.117 đến 0.890. Với các giá trị này có thể thấy được các yếu tố hầu như không có tác động nhiều đến năng lực định hướng đọc của SV khi tham gia PTGTCC. Trên thực tế, năng lực định hướng nội dung đọc tài liệu cũng xuất phát từ chính bản thân và SV là người đưa ra quyết định. Các yếu tố được đưa

Bảng 4. Phân tích hồi quy giữa các yếu tố lên năng lực định hướng tài liệu

	B	Beta	se	t	p
1. Lịch trình dừng đi	-.013	-.015	.093	-.139	.890
2. Tiếng ồn	.154	.186	.098	1.578	.117
3. Thời gian di chuyển	.061	.072	.098	.622	.535
4. Tương tác xã hội	.133	.163	.089	1.496	.137
5. Thói quen đọc sách	.088	.102	.086	1.028	.306
6. Vấn đề sức khỏe (say tàu, xe,...)	-.047	-.069	.064	-.735	.464
7. Sử dụng thiết bị công nghệ để đọc tài liệu.	-.040	-.052	.085	-.477	.634
8. Các phương tiện xã hội (Tiktok, youtube,...)	.054	.055	.088	.609	.543

ra ở trên cho thấy SV không bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài và năng lực định hướng nội dung đọc được SV vận dụng.

3.2. Tương quan và hồi quy giữa các yếu tố và khả năng lĩnh hội tài liệu của sinh viên khi tham gia phương tiện công cộng

Bảng 5. Tương quan các yếu tố tác động đến năng lực lĩnh hội tài liệu

Các biến số	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Lịch trình dừng đi	1								
2. Tiếng ồn	.636**	1							
3. Thời gian di chuyển	.558**	.622**	1						
4. Tương tác xã hội	.571**	.489**	.606**	1					
5. Thói quen đọc sách	.408**	.461**	.392**	.459**	1				
6. Vấn đề sức khỏe (say tàu, xe,...)	.304**	.248**	.373**	.358**	.437**	1			
7. Sử dụng thiết bị công nghệ để đọc tài liệu.	.329**	.344**	.403**	.307**	.455**	.477**	1		
8. Các phương tiện xã hội (Tiktok, youtube,...)	.346**	.459**	.320**	.398**	.471**	.373**	.617**	1	
9. Năng lực định hướng nội dung đọc	.253**	.239**	.294**	.244**	.327**	.103**	.076**	.131**	1

Ghi chú: ** có mức tương quan ở ý nghĩa 0.01.

Nhìn vào bảng tương quan ta thấy, các biến số phụ thuộc có hệ số tương quan Pearson với năng lực định hướng nội dung đọc. Mỗi tương quan giữa các biến số có độ tin cậy lên đến 99% nên không cần loại bỏ biến số tác động. Kết quả từ bảng tương quan Pearson cho thấy biến độc lập

có tương quan với biến phụ thuộc, khả năng biến độc lập đó sẽ tác động lên biến phụ thuộc.

Giá trị R bình phương hiệu chỉnh là 0.118 cho thấy các biến phụ thuộc được giải thích bởi mô hình, giải thích khoảng 11.8% sự biến thiên. Giá trị P-value là 0.001, cho thấy mô hình hồi quy có

Bảng 6. Phân tích hồi quy các yếu tố tác động đến năng lực lĩnh hội tài liệu

	B	Beta	se	t	p
1. Lịch trình dừng đi	.063	.093	.074	.854	.395
2. Tiếng ồn	-.030	-.045	.078	-.380	.704
3. Thời gian di chuyển	.158	.233	.079	2.014	.046
4. Tương tác xã hội	-.006	-.009	.072	-.082	.935
5. Thói quen đọc sách	.217	.312	.069	3.139	.002
6. Vấn đề sức khỏe (say tàu, xe,...)	-.038	-.070	.051	-.743	.459
7. Sử dụng thiết bị công nghệ để đọc tài liệu.	-.095	-.152	.068	-1.401	.163
8. Các phương tiện xã hội (Tiktok, youtube,...)	.013	.020	.071	.188	.851

ý nghĩa thống kê.

Theo kết quả rút ra từ bảng hồi quy, sig kiểm định t tương quan Pearson giữa 8 biến độc lập đưa ra có hai biến nhỏ hơn 0.05. Biến độc lập thói quen đọc sách của cá nhân có giá trị P-value là 0.002 và thời gian di chuyển quá ngắn là 0.046. Như vậy, có mối liên hệ tuyến tính giữa hai yếu tố ảnh hưởng là thói quen đọc sách và thời gian di chuyển quá ngắn ảnh hưởng đến năng lực lĩnh hội tài liệu khi đọc. Khả năng xảy ra hiện tượng cộng tuyến, đa tuyến cũng thấp hơn khi giữa các biến độc lập, không có mối tương quan nào quá mạnh khi tuyệt đối hệ số tương quan giữa các cặp biến đều nhỏ hơn 0.5. Như vậy, thời gian di chuyển quá ngắn và thói quen đọc sách của cá nhân có sự ảnh hưởng đến năng lực lĩnh hội tài liệu của

SV khi tham gia PTGTCC. Trên thực tế, thời gian di chuyển quá ngắn giữa các tuyến SV chỉ có thể đọc lướt để nắm nội dung, không thể hiểu sâu được vấn đề để có những đánh giá, nhận xét về tài liệu đọc. Yếu tố thói quen đọc sách của cá nhân cũng là yếu tố có thể nhận thấy, khi SV có thói quen đọc sách trong các môi trường có điều kiện như ánh sáng, âm thanh,... sẽ tạo cho SV cảm giác không thoải mái khi tham gia PTGTCC.

3.3. Tương quan và hồi quy giữa các yếu tố và thái độ ứng xử với tài liệu của sinh viên khi tham gia phương tiện công cộng

Dựa vào kết quả của bảng tương quan cho thấy, các biến số độc lập có tương quan với biến phụ thuộc. Mỗi tương quan giữa các biến số có độ tin

Bảng 7. Kết quả tương quan giữa các yếu tố tác động đến thái độ ứng xử với tài liệu

Các biến số	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Lịch trình dừng đi	1								
2. Tiếng ồn	.636**	1							
3. Thời gian di chuyển	.558**	.622**	1						
4. Tương tác xã hội	.571**	.489**	.606**	1					
5. Thói quen đọc sách	.408**	.461**	.392**	.459**	1				
6. Vấn đề sức khỏe (say tàu, xe,...)	.304**	.248**	.373**	.358**	.437**	1			
7. Sử dụng thiết bị công nghệ để đọc tài liệu.	.329**	.344**	.403**	.307**	.455**	.477**	1		
8. Các phương tiện xã hội (Tiktok, youtube,...)	.346**	.459**	.320**	.398**	.471**	.373**	.617**	1	
9. Năng lực định hướng nội dung đọc	.274**	.382**	.341**	.274**	.257**	.114**	.152**	.212**	1

Ghi chú: ** có mức tương quan ở ý nghĩa 0.01.

cây lên đến 99% nên không cần loại bỏ biến số độc lập tác động. Kết quả từ bảng tương quan, biến độc lập có tương quan với biến phụ thuộc, khả năng cao biến độc lập sẽ tác động lên biến phụ thuộc.

Phân tích giá trị R bình phương hiệu chỉnh là

0.127 cho thấy các biến phụ thuộc được giải thích bởi mô hình, giải thích khoảng 12.7% sự biến thiên. Giá trị P-value đạt 0.001 cho thấy mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê.

Dựa trên kết quả của bảng hồi quy cho thấy, giữa các biến độc lập không có mối tương quan nào quá

Bảng 8. Phân tích hồi quy giữa các yếu tố tác động đến thái độ ứng xử tài liệu

	B	Beta	se	t	p
1. Lịch trình dừng đi	-.009	-.010	.091	-.096	.924
2. Tiếng ồn	.190	.232	.096	1.975	.050
3. Thời gian di chuyển	.141	.168	.097	.1459	.147
4. Tương tác xã hội	.029	.036	.088	.330	.742
5. Thói quen đọc sách	.081	.095	.085	.957	.340
6. Vấn đề sức khỏe (say tàu, xe,...)	-.034	-.050	.063	-.538	.591
7. Sử dụng thiết bị công nghệ để đọc tài liệu.	-.039	-.051	.083	-.471	.638
8. Các phương tiện xã hội (Tiktok, youtube,...)	.038	.047	.087	.435	.664

mạnh khi trị tuyệt đối hệ số tương quan giữa các cặp biến đều nhỏ hơn 0.5, như vậy khả năng xảy ra hiện tượng cộng tuyến/đa cộng tuyến sẽ thấp hơn.

Phân tích bảng hồi quy, sig kiểm định t tương quan Pearson giữa 8 biến độc lập đến biến phụ thuộc thái độ ứng xử của SV đối với tài liệu chạy giá trị từ 0.050 đến 0.924. Ở bảng này, yếu tố tiếng ồn của các phương tiện tham gia giao thông có khả năng tác động đến thái độ ứng xử với tài liệu ($p=0.05$). Các yếu tố còn lại không có mối liên hệ tuyến tính giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc.

Như vậy có thể kết luận rằng, thái độ ứng xử với tài liệu của SV khi tham gia PTGTCC không chịu sự ảnh hưởng từ lịch trình dừng đi, tiếng ồn, thời gian di chuyển quá ngắn, tương tác xã hội xung quanh, thói quen đọc sách, vấn đề sức khỏe, việc sử dụng thiết bị công nghệ để đọc tài liệu và các phương tiện xã hội.

4. NHẬN XÉT, ĐỀ XUẤT KHUYẾN NGHỊ

4.1. Nhận xét

Với dữ liệu được thu thập từ 150 phiếu khảo sát, bằng việc sử dụng phần mềm SPSS 26 để xử lý và phân tích dữ liệu, nghiên cứu đã đạt được một số kết quả như sau:

- Đánh giá được khách quan thực trạng VHĐ của SV Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội khi tham gia PTGTCC. Trong phần thực trạng, đã tiến hành đánh giá VHĐ của SV theo ba thành tố cấu thành nên VHĐ bao gồm: năng lực định hướng nội dung đọc, năng lực lĩnh hội tài liệu và thái độ ứng xử với tài liệu đọc của SV Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội khi tham gia PTGTCC. Nghiên cứu cũng tiến hành so sánh sự khác biệt giữa thực trạng VHĐ của SV khi tham gia PTGTCC theo giới tính và theo năm học. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt nhiều giữa các đối tượng so sánh.

- Chỉ ra được các yếu tố ảnh hưởng đến VHĐ của SV Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội khi tham gia PTGTCC. Dựa trên số liệu đã được trình bày cho thấy, các yếu tố này có ảnh hưởng đến năng lực lĩnh hội tài liệu và thái độ ứng xử với tài liệu. Hai yếu tố tác động đến năng lực lĩnh hội tài liệu là thời gian di chuyển ngắn giữa các tuyến và thói quen đọc sách của cá nhân, yếu tố tiếng ồn của các phương tiện tham gia giao thông có khả năng tác động tới thái độ ứng xử với tài liệu. Không có sự cộng tuyến/đa tuyến giữa các yếu tố được đề xuất ảnh hưởng đến VHĐ của SV khi tham gia PTGTCC.

4.2. Đề xuất khuyến nghị

Với kết quả được phân tích ở trên, có 2 yếu tố được xem là yếu tố khách quan tác động tới VHĐ của SV khi tham gia PTGTCC, đó là: yếu tố thời gian di chuyển ngắn giữa các tuyến tác động đến năng lực lĩnh hội tài liệu và yếu tố tiếng ồn có khả năng tác động tới thái độ ứng xử của tài liệu. Vì thế để hình thành và tạo thói quen đọc sách cho sinh viên, góp phần vào việc thúc đẩy phát triển văn hoá đọc cho người học trong nhà trường, cần thực hiện tốt một số đề xuất có tác động trực tiếp tới việc hình thành, tạo thói quen đọc sách, cụ thể như sau:

4.2.1. Phát triển văn hóa đọc trong nhà trường

Phát triển VHĐ trong nhà trường đóng vai trò quan trọng để tạo ra môi trường học tập tích cực, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Xây dựng mô hình phát triển VHĐ trong nhà trường sẽ giúp SV rèn luyện thói quen và kỹ năng đọc, việc khuyến khích SV đọc sách giúp mở rộng kiến thức, phát triển tư duy, nâng cao khả năng tiếp thu thông tin và khả năng phản biện. Vì thế nhà trường cần đẩy mạnh hoạt động truyền thông, trưng bày, triển lãm, tổ chức các cuộc thi,... để SV tiếp cận được nhiều hơn với tài liệu in và tài liệu số. Các buổi tọa đàm về VHĐ cũng được đề xuất nhằm giúp SV nhận thấy giá trị của việc đọc, vận dụng hiệu quả tri thức đọc vào thực tiễn.

Trung tâm Thư viện và Tri thức số cần chú ý hơn nữa tới hoạt động đọc của SV, phát triển các hoạt động thư viện để đáp ứng nhu cầu của người học. Tăng cường nguồn tài liệu giúp SV có được tài liệu cần thiết phục vụ cho mục đích đọc. Làm tốt các hoạt động trên sẽ tạo cho SV có thêm động lực để tiến hành hoạt động đọc trên các PTGTCC.

4.2.2. Xây dựng nền tảng văn hóa đọc cho sinh viên

Xây dựng nền tảng VHĐ cho mỗi cá nhân là một nhiệm vụ quan trọng và đầy thách thức trong xã hội hiện đại, đặc biệt là trong thời đại số. VHĐ không chỉ là việc đọc sách mà còn là việc tạo ra một môi trường trong đó hoạt động đọc được coi trọng và khuyến khích. Để phát triển nền tảng này, cần phải có sự tham gia của cá nhân, gia đình, trường học, và cộng đồng.

Về năng lực định hướng nội dung tài liệu đọc, SV cần được cung cấp kiến thức về việc xác định nhu cầu đọc, mục đích đọc và kỹ năng tìm kiếm thông tin. Làm tốt việc xây dựng các kỹ năng trong năng lực định hướng tài liệu đọc, tạo điều kiện cho SV có được nền tảng cơ bản để thực hành VHĐ. Sinh viên cần học cách đặt câu hỏi khi đọc sách để tạo

sự tò mò và khám phá sâu hơn. Việc tạo ra các câu hỏi để xác định mục tiêu đọc giúp SV tập trung vào những phần quan trọng và tăng cường được hiểu biết của mình.

Về năng lực lĩnh hội tài liệu, SV cần được đào tạo về kỹ năng đọc và phương pháp đọc, để giúp họ tối ưu hóa việc đọc. Các kỹ năng như đọc lướt, đọc phân tích và đọc sâu cần được áp dụng đối với mọi loại tài liệu. Thực hành tốt kỹ năng đọc còn giúp SV vận dụng vào các hoạt động khác cần tới thông tin một cách nhanh chóng. SV cần hình thành việc chia sẻ thông tin và vận dụng các tri thức đã được học vào đời sống nhằm ghi nhớ lâu hơn và phát triển tri thức đã đọc được.

Về thái độ ứng xử với tài liệu, SV cần tôn trọng tài liệu đọc và tác giả của tài liệu. Để làm được điều này đòi hỏi SV phải phải thường xuyên học tập và rèn luyện. Đối với các tài liệu in, SV cần gìn giữ, bảo quản, có thái độ phù hợp khi sử dụng. Các nguồn tài liệu in cũng được lưu ý về vấn đề bản quyền khi chia sẻ tài liệu với người khác.

Một xã hội đọc sách là một xã hội học tập, phát triển và tiến bộ. VHĐ không chỉ giúp phát triển cá nhân mà còn là cầu nối giữa các nền văn hóa, mở rộng tầm nhìn và sự hiểu biết lẫn nhau. Mỗi SV cần phải xây dựng cho bản thân những kỹ năng cần thiết để vận dụng tốt trong VHĐ.

4.2.3. Phát triển thói quen đọc sách trong sinh viên

Phát triển thói quen đọc sách trong mỗi cá nhân là cầu nối giúp SV có thể tiến hành hoạt động đọc trong mọi môi trường. Để thúc đẩy điều này, trường đại học có thể tổ chức các chiến dịch tuyên truyền về lợi ích của việc đọc sách và cách thức để gắn kết thói quen này vào cuộc sống cá nhân. Quan trọng hơn, SV cần xác định mục tiêu và lợi ích cá nhân khi đọc sách. Việc đọc không chỉ là cách tiếp cận kiến thức mà còn đem lại sự học hỏi, tư duy sáng tạo, và nâng cao các kỹ năng cần thiết. Đặt mục tiêu đọc sách hàng ngày và xác định lợi ích mang lại có thể giúp SV duy trì thói quen này. Mỗi cá nhân có sở thích và quan tâm riêng, do đó cần tạo điều kiện để họ tiếp cận được các loại hình tài liệu khác nhau, phù hợp với nhu cầu và quan tâm của họ. Điều này sẽ tạo sự hứng thú và đam mê trong việc đọc sách. Cuối cùng, việc thúc đẩy thói quen chia sẻ và thảo luận về sách đọc cũng là yếu tố quan trọng giúp SV duy trì thói quen đọc. Khi có cơ hội thảo luận với người khác về nội dung sách, SV không chỉ củng cố kiến thức mà còn khám phá góc nhìn mới, độc đáo về sách đọc.

KẾT LUẬN

Văn hóa đọc trên PTGTCC cần được phát triển hơn nữa ở SV nói riêng và trong toàn xã hội nói chung. Xây dựng thói quen đọc sách trên các PTGTCC sẽ góp phần tạo nên một xã hội văn minh và tiến bộ. Đối với SV, đây là cơ hội để họ không ngừng mở rộng kiến thức và phát triển kỹ năng sống cần thiết cho tương lai. Đồng thời, việc này cũng thể hiện sự quan tâm của xã hội đối với việc học tập và phát triển bản thân, từ đó tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự tiến bộ của cả cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alex-Nmecha, Dr. Juliet C. and Horsfall, Millie (2019). Reading Culture, Benefits, and the Role of libraries in the 21st century - Văn hóa đọc, lợi ích và vai trò của thư viện trong thế kỷ 21. Library Philosophy and Practice (e-journal). 2836. https://www.researchgate.net/publication/335856610_Reading_Culture_Benefits_and_the_Role_of_libraries_in_the_21st_century
2. Bộ Giao thông Vận tải (2012). Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kết cấu hạ tầng giao thông, công cụ hỗ trợ và chính sách ưu tiên người khuyết tật tham gia giao thông công cộng [Thông tư 39/2012/TT-BGTVT].
3. Ngô Thanh Điền, Lương Thị Thềm, Nguyễn Ngọc Minh (2022). Tác động của Internet đến văn hoá đọc của sinh viên Học viện công nghệ Bưu chính viễn thông, Tạp chí Khoa học và Truyền thông, Số 1&2, tr.45-59. Truy cập tại: <https://jstic.ptit.edu.vn/jstic-ptit/index.php/jstic/article/view/1395/224>
4. Phạm Thị Phương Liên. “Những yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa đọc trong kỷ nguyên số”. Truy cập tại: http://huc.dspace.vn/flowpaper/simple_document.php?subfolder=10/20/32/&doc=102032842041593320778244220235921856452&bitsid=8d37259f-7695-45d4-a280-f140f8925522&uid=
5. Trần Thị Minh Nguyệt (2016). “Giáo dục văn hóa đọc trong thư viện trường tiểu học ở Hà Nội”, Tạp chí Thư viện Việt Nam, Tập 61 (5), tr. 6-13.
6. Vũ Thị Thu Hà (2013). “Văn hóa đọc ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển”, Tạp chí Thư viện Việt Nam, Số 2, tr.20-27. Truy cập tại: <https://nlv.gov.vn/nghep-vu-thu-vien/van-hoa-doc-o-viet-nam-trong-boi-can-hoi-nhap-va-phat-trien.html>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-5-2024;
Ngày phản biện đánh giá: 12-6-2024;
Ngày chấp nhận đăng: 15-7-2024).